BCĐ, Tổ GV huyện

HUYỆN ỦY TỦA CHÙA
BCĐ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VẬN ĐỘNG HỖ TRỢ LÀM NHÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT CHO HỘ NGHÈO HUYỆN TỦA CHÙA
*
Số: 20-QĐ/BCĐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tủa Chùa, ngày 29 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết theo Đề án vận động hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Điện Biên hướng tới kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 – 07/5/2024) trên địa bàn huyện Tủa Chùa (đợt 2)

BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VẬN ĐỘNG HỖ TRỢ LÀM NHÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT CHO HỘ NGHÈO HUYỆN TỦA CHÙA

Căn cứ Quyết định số 2864-QĐ/HU, ngày 26/5/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án vận động hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo tỉnh Điện Biên (Ban Chỉ đạo huyện); Quyết định số 05-QĐ/BCĐ ngày 31/5/2023 của Ban Chỉ đạo huyện về phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án vận động hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo trên địa bàn huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Kế hoạch số 06/KH-BCĐ ngày 05/6/2023 của Ban Chỉ đạo huyện về việc triển khai thực hiện Đề án vận động hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên hướng tới kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 – 07/5/2024);

Căn cứ Quyết định số 635-QĐ/BCĐ ngày 11/9/2023 của Ban Chỉ đạo tỉnh Điện Biên về việc phân bổ số lượng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Điện Biên (đợt 2);

Căn cứ Bảng tổng hợp danh sách các hộ đủ điều kiện hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết của Ban Chỉ đạo các xã, thị trấn; hồ sơ của các hộ đủ điều kiện hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết;

Xét đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Tủa Chùa (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt danh sách 109 hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết theo Đề án vận động hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Điện Biên hướng tới kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 – 07/5/2024) trên địa bàn huyện Tủa Chùa (đợt 2).

(Có danh sách các hộ được phê duyệt kèm theo)

Điều 2. Ban Chỉ đạo các xã, thị trấn trên cơ sở danh sách các hộ đã được phê duyệt và căn cứ kinh phí được phân bổ (theo nhiều đợt), tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo làm nhà đảm bảo theo kế hoạch; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục chứng từ thanh, quyết toán theo quy định gửi về Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; các thành viên Ban Chỉ đạo huyện, tổ giúp việc Ban Chỉ đạo huyện, Ban Chỉ đạo các xã, thị trấn và các hộ có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, BCĐ.

K/T TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

Vi Thu Hằng
Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện

DANH SÁCH

Phê duyệt các hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết huyện Tủa Chùa (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số 20-QĐ/BCĐ ngày 29/9/2023 của Ban Chỉ đạo huyện)

STT	Họ và tên	Địa chỉ *(tổ, đội, bản)*	Năm sinh	Số CMT/ CCCD	Hiện trạng nhà ở	Đối tượng	Ghi chú
I	**Xã Huổi Só**						
1	Lý Thị Vang	Hồng Ngài	1986	011186002752	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Chang A Cáo	Nậm Bành	1966	011066001080	Nhà gỗ chôn cột, nền đất, mái danh	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
3	Lý A Dén (b)	Nậm Bành	1991	011091001864	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
4	Chang A Giải	Thôn Tù Cha	2000	012200007481	Nhà gỗ cột chôn, có nguy cơ sụp đổ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
5	Phàn A Đặng	Huổi Lóng	1997	011097001583	Chưa có nhà (đang ở với bố mẹ)	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
6	Lý Thị Hoạt	Huổi Lóng	1981	011182001599	Nhà gỗ chôn cột	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
7	Tẩn A Thiều	Thôn 1	1997	011097001558	Chưa có nhà	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
8	Lý A Nhàn	Nậm Bành	1962	011062000990	Nhà Gỗ chôn cột	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
II	**Xã Xá Nhè**						
1	Sùng A Chù	Pàng Dề B	1986	011086001737	Chưa có nhà	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Thào A Thông	Pàng Dề B	1995	011095004373	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
3	Ly Thị Sú	Tỉnh B	1984	011184001876	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
4	Vàng A Tắng	Tỉnh B	2001	011201000951	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
5	Ly A Sùng	Tỉnh B	1999	011099000951	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
6	Giàng A Sùa	Pàng Nhang	1992	011092001360	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
7	Giàng A Khày	Pàng Nhang	1999	011099008541	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
8	Giàng Thị Dê (chồng là Thào A Củ)	Pàng Nhang	1999	011199000894	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
9	Giàng A Làng	Pàng Nhang	1999	011099000960	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
10	Thào A Nam	Pàng Nhang	1999	011099004386	Nhà tạm, dột nát, hư hỏng	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
11	Thào A Giàng	Bản Lịch 1	1995	011095005727	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Địa chỉ *(tổ, đội, bản)*	Năm sinh	Số CMT/ CCCD	Hiện trạng nhà ở	Đối tượng	Ghi chú
12	Sùng A Chư	Bản Lịch 1	2002	011202001002	Nhà tạm, dột nát, hư hỏng	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
13	Thào Thị Máy	Sông A	1961	011161000548	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
14	Sùng A Tếnh	Trung Dù	1982	011082001355	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
III	**Tả Phìn**						
1	Mùa Thị Chừ	Tả Phìn	1980	011180002346	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Mùa A Giàng	Tả Phìn	1990	011090002749	Nhà tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
IV	**Xã Mường Đun**						
1	Lò Văn Nợi	Bản Hột	1985	011085004513	Vật liệu không bền chắc	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Quàng Thị Chượng	Bản Túc	1970	011170000375	Vật liệu không bền chắc	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
3	Hạng A Cầu	Nà Xa	1986	011086000754	Vật liệu không bền chắc	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
4	Hạng A Chụa	Nà Xa	1979	011079000509	Vật liệu không bền chắc	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
5	Liềm Thị Duyên	Nà Xa	1990	011190006848	Vật liệu không bền chắc	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
6	Lò Thị Vân	Lọong Phạ	1965	011165000497	Vật liệu không bền chắc	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
7	Vàng A Vảng	Đề Tâu	1994	011094000503	Vật liệu không bền chắc	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
8	Lò Văn Khôn	Lọong Phạ	1996	011096001166	Vật liệu không bền chắc	Hộ cận nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
V	**Xã Tả Sìn Thàng**						
1	Ly Uần Chín	Thôn Tả Sìn Thàng	1979	011079000900	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Giàng A Màng	Tà Chinh	1999	011099005299	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
3	Hờ A Tùng	Háng Chơ	1997	011097000840	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
4	Thào A Sinh	Làng Sảng	1999	011099001675	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
5	Giàng A Vừ (C)	Làng Sảng	1986	011086001301	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
VI	**Xã Sính Phình**						
1	Giàng Thị Mỷ (chồng là Giàng A Quy)	Thôn I	2000	011300005020	Nhà ở tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Giàng A Nhi	Thôn I	1997	011097004707	Nhà ở tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Địa chỉ *(tổ, đội, bản)*	Năm sinh	Số CMT/ CCCD	Hiện trạng nhà ở	Đối tượng	Ghi chú
3	Giàng A Bộ	Thôn I	2001	011201005791	Nhà ở tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
4	Giàng A Nhao	Thôn I	1992	011092009172	Nhà ở tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
5	Giàng A Làng	Tào Pao	1992	011092004343	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
6	Vàng A Linh	Tào Pao	1999	011099006274	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
7	Sùng A Thu	Đề Dê Hu 2	1992	011092004224	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
8	Giàng A Lồng	Đề Dê Hu 2	1994	011094004226	Nhà ở tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
9	Thào Thị Chang (chồng là Chang A Thành)	Dê Dàng	2000	011300004907	Nhà ở tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
10	Sùng Thị Dợ (chồng là Giàng A Thì)	Thôn III	1992	011192007361	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
11	Thào Thị Sua (chồng là Giàng A Sung)	Thôn III	1997	011197002371	Nhà ở tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
12	Cứ A Vàng	Vàng Chua	1993	011093006925	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
VII	**Xã Tủa Thàng**						
1	Sùng A Thanh	Làng Vùa	1992	011092001045	Thiếu kiên cố	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Hờ A Vảng	Đề Chu	1997	011097000394	Thiếu kiên cố	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
3	Hạng A Minh	Phi Giàng 1	1989	011089001196	Nhà ở tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
4	Chang A Náng	Phi Giàng 1	1996	011096000887	Nhà ở tạm bợ	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
5	Sùng A Khu	Tà Huổi Tráng 1	1992	011092006698	Thiếu kiên cố	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
6	Mùa A Súa	Tà Huổi Tráng 1	1996	011096003752	Thiếu kiên cố	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
7	Vàng A Chênh	Tủa Thàng	2000	011200000758	Thiếu kiên cố	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
8	Sùng A Chư	Tủa Thàng	1996	011096000872	Thiếu kiên cố	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
9	Vàng A Giống	Tủa Thàng	1996	011096005329	Thiếu kiên cố	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
10	Giàng A Say	Tủa Thàng	1993	011093001111	Thiếu kiên cố	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
11	Thào A Lang	Tủa Thàng	1998	011098000735	Thiếu kiên cố	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Địa chỉ *(tổ, đội, bản)*	Năm sinh	Số CMT/ CCCD	Hiện trạng nhà ở	Đối tượng	Ghi chú
12	Chang A Thào	Phi Giàng 2	1992	011092001037	Thiếu kiên cố	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
VIII	**Thị Trấn**						
1	Điêu Thị Lan	Bản Ten	1987	011187004861	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Lò Văn Nghĩa	Huổi Lực	1987	011087000643	Chưa có nhà	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
IX	**Xã Mường Báng**						
1	Lò Văn Bìn	Bản Nong Hung	1972	011072000387	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Vàng A Tùng	Thôn Đông Phi	1997	040583074	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
3	Lò Thị Phía	Bản Tiên Phong	1989	011189000873	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
4	Tòng Văn Thành	Bản Tiên Phong	1994	011094006947	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
5	Tòng Thị Động	Bản Tiên Phong	1988	011188007370	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
6	Quàng Thị Đôi	Bản Tiên Phong	1989	011189000871	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
7	Lò Văn Vin	Bản Phai Tung	1986	011068006349	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
8	Giàng A Sinh	Thôn Kể Cải	2001	011201000397	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
9	Lò Thị Niêm	Thôn Pú Ôn	1989	011189001763	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
10	Quàng Thị Mạnh	Thôn Pú Ôn	1996	011196005928	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
11	Giàng Văn Lợi	Thôn Pú Ôn	1987	011087001254	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
12	Sùng Thị Dinh	Thôn Háng Trở	1987	011187003408	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
13	Ly Thị Lì (Chồng là Mùa A Làng)	Thôn Háng Trở	1997	011197002406	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
14	Giàng A Sư	Thôn Háng Trở	2000	011200000803	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
15	Giàng Thị Su	Thôn Háng Tơ Mang	1987	011187000695	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
16	Vàng A Sùng	Thôn Háng Tơ Mang	1999	011099007857	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
X	**Xã Sín Chải**						
1	Vàng A Câu	Séo Mí Chải	2003	011203008434	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Mùa A Phia	Lồng Sử phình	1982	011082002115	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
3	Lý Thị Mang (chồng là Vừ A Thái)	Lồng Sử Phình	1999	011199004762	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
4	Vừ A Phứ	Lồng Sử phình	2002	011202001722	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Địa chỉ *(tổ, đội, bản)*	Năm sinh	Số CMT/ CCCD	Hiện trạng nhà ở	Đối tượng	Ghi chú
5	Mùa A Sình (Vừ)	Cáng Tỷ	1999	011099008556	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
6	Giàng A Sử	Cáng Tỷ	1995	011095002322	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
7	Lý A Tỉnh	Chế Cu Nhe	2001	011201001645	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
8	Giàng A Chẳng	Háng Khúa	1992	011092001647	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
9	Vừ A Trừ	Háng Khúa	2000	011200008371	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
10	Vừ A Dơ	Háng Khúa	2002	011202004166	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
11	Vừ A Giống	Háng Khúa	2000	011200001209	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
12	Lý A Pó	Cáng Chua I	2002	011202001738	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
13	Giàng A Sùng	Háng Là	2000	011200001212	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
14	Giàng A Màng	Háng Là	1997	011097005721	Chưa có nhà	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
15	Sùng A Sang	Cáng Chua II	1991	011091001552	Nhà dột nát	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
XI	**Xã Lao Xả Phình**						
1	Ly A Dè (B)	Thôn 2	1997	011097007505	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Lờ A Chua	Thôn 3	2001	011201001640	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
3	Ly Thị Lầu	Thôn 3	1972	011172001874	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
4	Vàng A Xà	Thôn 3	1995	011095002309	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
5	Lờ A Chinh	Thôn 3	1997	011097001855	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
6	Vàng A Phìa	Thôn 3	1997	011097001853	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
7	Vừ A Tủa	Lầu Câu Phình	1996	011096002088	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
8	Cứ Thị Sùng (chồng là Thào A Của)	Thôn Chẻo Chử Phình	2000	011300001787	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
9	Giàng A Làng	Thôn Cáng Phình	1999	011099001609	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
10	Sùng Thị Dê (chồng là Thào A Páo)	Thôn Cáng Phình	1997	011197002021	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
XII	**Trung Thu**						
1	Vàng Thị Dê (chồng là Hạng A Khày	Háng Cu Tâu	2001	011301001461	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
2	Sùng Thị Sày (chồng là Thào A Cháng)	Háng Cu Tâu	2000	011300005156	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Địa chỉ *(tổ, đội, bản)*	Năm sinh	Số CMT/ CCCD	Hiện trạng nhà ở	Đối tượng	Ghi chú
3	Thào A Xài	Bản Phô	1998	011098001731	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
4	Thào A Lờ	Bản Phô	2001	011201001684	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	
5	Thào Thị Cho (chồng là Sùng A Mà)	Trung Phàng Khổ	2004	011304002895	Nhà tạm	Hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số	